TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/LĐ - ST
Ngày: 22/9/2023
"V/v Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thu Thảo - Phó Trưởng phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;

2. Bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2023/TLST-LĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-LĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-LĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền gồm:

+ Ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1977; Nơi cư trú: I1/1, tổ A, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Dương Thị T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: 118/9/37 khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2023).

2. Bị đơn: Công ty TNHH S.

Địa chỉ: số F Đường C, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phúc T1 - Chức vụ: Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số B đường H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T2 - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phương H1 - Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng, (văn bản ủy quyền ngày 05/7/2023).

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Bà N vào làm việc tại Công ty TNHH T3 từ năm 2016, đến năm 2020 công ty thay đổi chủ sở hữu đổi thành Công ty TNHH S (sau đây viết tắt là công ty). Bà làm việc tại công ty theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công việc là công nhân lao vụ, mức lương đóng BHXH trước khi nghỉ việc: 4.965.870 đồng/tháng.

Trong thời gian làm việc tại công ty, bà luôn hoàn thành nhiệm vụ, nhưng ngày 05/11/2022 công ty ra Quyết định số 166/2022/QĐTV-AFM cho bà thôi với lý do căn cứ vào đơn xin nghỉ việc của bà. Tuy nhiên, bà không làm đơn xin nghỉ việc như quyết định nghỉ việc công ty nêu ra. Sau khi nghỉ việc, bà kiểm tra lại thông tin về bảo hiểm xã hội thì thấy công ty chưa đóng tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2022. Bà đã nhiều lần liên hệ với công ty để yêu cầu công ty đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội cho bà nhưng công ty không giải quyết. Nhận thấy, công ty cho bà nghỉ việc mà không có lý do, hàng tháng công ty đã trừ tiền lương của bà nhưng không đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho bà là không đúng quy định của pháp luật. Do vậy bà khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu:

- Tuyên bố Quyết định về việc giải quyết cho thôi việc số 166/2022/QĐTV-AFM ngày 05/11/2022 của Công ty TNHH S là trái pháp luật;

- Buộc công ty trả tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 05/11/2022 đến ngày Tòa án xét xử, tạm tính đến ngày 05/6/2023 là 07 tháng: 34.761.090 đồng; Trả thêm 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 9.931.740 đồng; Truy đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày không được làm việc từ ngày 05/11/2022 đến ngày Tòa án xét xử, tạm tính đến ngày 05/6/2023 là 7 tháng: 7.473.634 đồng. Tổng cộng là: 52.166.464 đồng.

- Buộc Công ty TNHH S phải đóng tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2020 đến hết tháng 10/2022 và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2023 bà có đơn đề nghị Tòa án rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu: tuyên bố Quyết định về việc giải quyết cho thôi việc số 166/2022/QĐTV-AFM ngày 05/11/2022 của Công ty TNHH S là trái pháp luật; buộc công ty T4 trong những ngày không được làm việc, trả thêm 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; truy đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày không được làm việc.

Trong vụ án này, bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH S phải đóng tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2022 và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn Công ty TNHH S đã được tống đạt các văn bản theo trình tự tố tụng nhưng không tham gia tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án:*

** Đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ là bà Đinh Thị Phương H1 có văn bản trình bày:*

Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/8/1978, mã số BHXH 7516104950 có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S từ tháng 9/2016, công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà N đến tháng 12/2019, chưa đóng bảo hiểm xã hội cho bà N từ tháng 01/2020.

** Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều: 239, 243, 248, 249, 250, 251, 253, 254, 256, 260 và Điều 263 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72, 86, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1.1] Căn cứ vào quan hệ lao động và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội"* theo quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn là Công ty TNHH S có trụ sở chính tại ấp S Đường C - C, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại sự khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Công ty TNHH S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo cụ thể yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo cũng như các tài liệu, chứng cứ khác mà Tòa án đã thu thập được. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn không tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà N vào làm việc tại Công ty TNHH S năm 2016, hai bên có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Sau khi ký hợp đồng, bà N làm việc tại công ty và công ty có đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho bà N từ tháng 9/2016 theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội.

Căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội của bà N và bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ xác nhận thể hiện: Bà N có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S từ tháng 9/2016, Công ty TNHH S đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà N đến tháng 12/2019.

Bà N nghỉ việc từ tháng 11/2022 nên thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà N phải tính đến hết tháng 10/2022. Công ty TNHH S trừ lương hàng tháng của bà N nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà N, không xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội là vi phạm quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà N theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Lao động nên yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ.

[3.3] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc Công ty TNHH S phải đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị N tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ từ tháng 01/2020 đến hết tháng 10/2022. Mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội; Buộc Công ty TNHH S thực hiện xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị N theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về yêu cầu tuyên bố Quyết định về việc giải quyết cho thôi việc số 166/2022/QĐTV-AFM ngày 05/11/2022 của Công ty TNHH S là trái pháp luật; buộc công ty T4 trong những ngày không được làm việc; trả thêm 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; truy đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày không được làm việc.

Ngày 06/9/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị N rút các yêu cầu này. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện nên được chấp nhận, căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a, d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 238; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 47; Điều 186 của Bộ luật Lao động;

- Điều 18; khoản 1 Điều 19; khoản 2 và khoản 5 Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội với Công ty TNHH S.

1.1. Buộc Công ty TNHH S phải đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị N tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ từ tháng 01/2020 đến hết tháng 10/2022. Mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

1.2. Buộc Công ty TNHH S thực hiện xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị N theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu tuyên bố Quyết định về việc giải quyết cho thôi việc số 166/2022/QĐTV-AFM ngày 05/11/2022 của Công ty TNHH S là trái pháp luật; buộc công ty T4 trong những ngày không được làm việc; trả thêm 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; truy đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày không được làm việc.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

4. Về thi hành bản án của Tòa án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyệnVĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại